

女A			
排序	姓名 + 分區	種子	備註
1	胡葦澄 CW	1	
2	周懿晴 HMT	2	
3	陳禧琳 CW	3	
4	陳曉琳 CW	4	
5	陳靜心 TP	5	
6	何心蕎 WC	6	
7	黎彥雅 HMT	7	
8	陳樂恩 KT	8	
9	高舒婷 TP		
10	王妍曦 WC		
11	黎善祈 WC		
12	佘昉穎 HMT		
13	趙敏燁 CW		
14	劉杭怡 TW		
15	王妍臻 WC		
16	葉素心 WC		
17	許祉琳 TM		
18	潘曉欣 TM		
19	黃嘉泳 KT		
20	梁楚喬 WC		
21	黃詠萱 TW		
22	吳小汶 TW		
23	余慧彤 KT		
24	張敏芝 HMT		
25	張麗茵 TW		
26	徐諾怡 TM		

女B			
排序	姓名 + 分區	種子	備註
1	邱沛霖 HMT	1	
2	文盈心 ST	2	
3	朱希蕎 CW	3	
4	袁敏瑤 CW	4	
5	陳日松 ST	5	
6	譚學恩 HMT	6	
7	徐心頤 TW	7	
8	譚雅文 TM	8	陳依明和譚雅文同排名。經抽籤後，譚雅文列8號種子。
9	陳依明 WC		
10	梁晴晞 TP		
11	曹敏盈 CW		
12	李司雅 ST		
13	譚倩芝 ST		
14	陳凱桐 WC		
15	蘇締嵐 KT		
16	黃芷翎 HMT		
17	葉曉蔚 TM		
18	陳熿垣 WC		
19	李穎欣 WC		
20	李穎恩 KT		
21	王聆琪 TM		
22	何韻羚 CW		
23	凌瑋欣 WC		
24	徐珮瑜 KT		
25	陳思澄 TW		
26	鄒穎潼 TM		